



Fpt Retail

2017

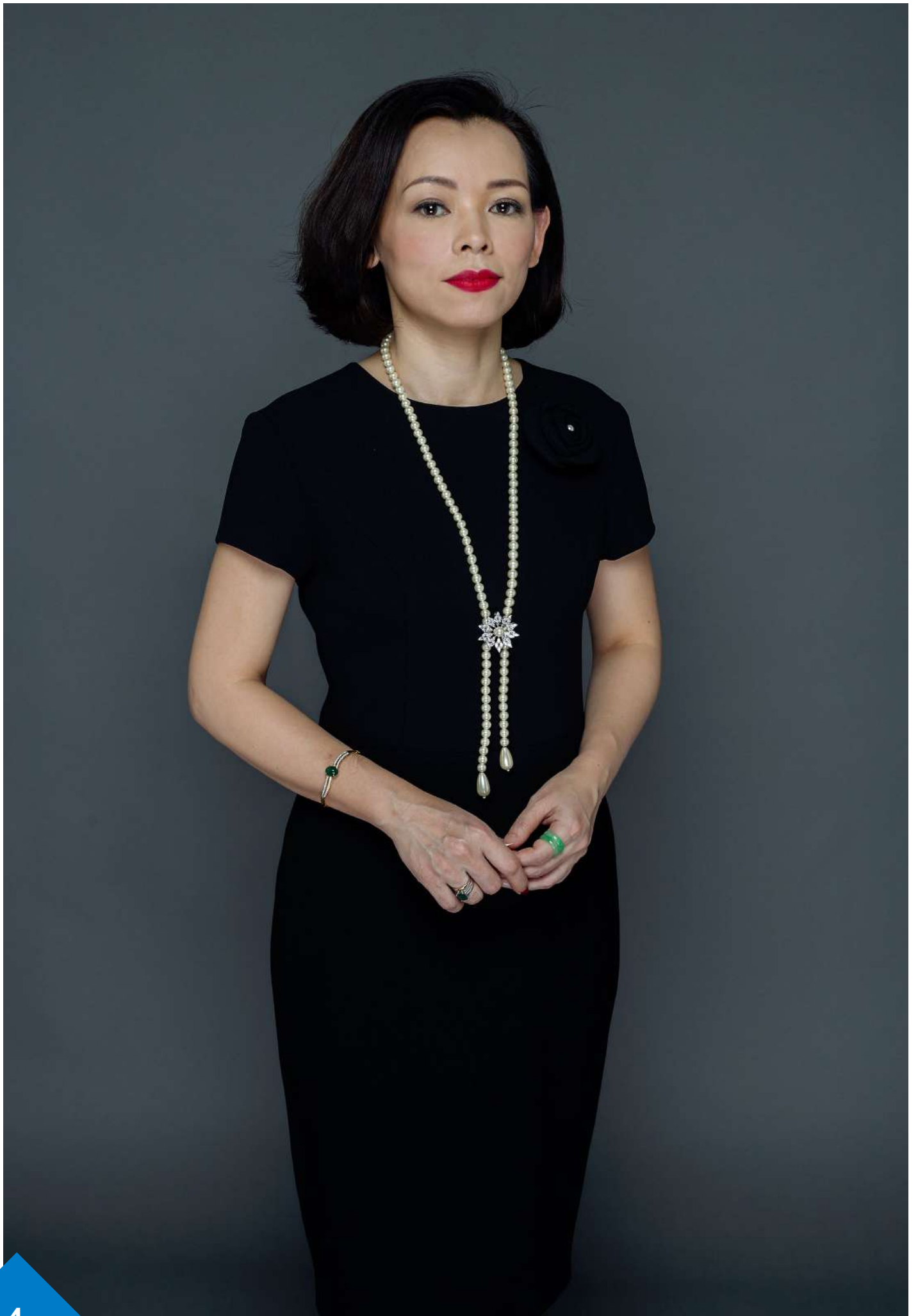


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

Thông điệp của chủ tịch	5
Một số chỉ tiêu cơ bản	6
Tầm nhìn	8
Giá trị cốt lõi	9
THÔNG TIN CHUNG	
Thông tin khái quát	11
Lịch sử hình thành	12
Cơ cấu tổ chức	14
Mô hình quản trị	15
Các rủi ro	16
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	30
Tình hình tài chính	32
Trách nhiệm với cộng đồng	36
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	38
Tình hình tài chính	41
Cơ cấu cổ đông	43
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Các cuộc họp hội đồng quản trị	44
Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	44
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành	44
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	45
Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT	45
Báo cáo chi phí thù lao của HĐQT	45
Phương hướng hoạt động của HĐQT	45
QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Thành viên Hội đồng quản trị	46
Thành viên Ban kiểm soát	47



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể CB - CNV Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT.

Năm 2017 là một năm kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81% vượt mức dự báo 6,7% và vượt mức trung bình của 5 năm liền trước 2011-2016. GDP bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng. Lam phát được kiềm chế ở mức thấp dưới 5%. Theo tổng cục thống kê, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 8,0% so với năm trước, tiếp theo là khu vực dịch vụ tăng 7,4%. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ đạt mức tăng 8,36% so với năm trước.

Theo đánh giá, thị trường điện thoại di động tiếp tục có sự tăng trưởng 9% về mặt giá trị, đạt 90.000 tỷ đồng trong năm 2017. Điện thoại thông minh tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với giá bán trung bình đạt 5,8 triệu đồng/máy (tăng 9% so với năm 2016). Là một trong những nhà bán lẻ thiết bị di động hàng đầu với đối tượng phục vụ là các khách hàng trung và cao cấp, Công ty hưởng lợi từ xu hướng tăng trưởng của thị trường.

Năm 2017 cũng là năm Apple chính thức mở Công ty Apple Việt Nam với mục tiêu phát triển tại thị trường Việt

Nam. FPT Retail là công ty đầu tiên có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), Cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và iCorner. Các sản phẩm tập trung như: điện thoại Iphone, máy tính bảng Ipad, Macbook, Apple Watch và các phụ kiện chính hãng của Apple. Tính đến 31/12/2017, FPT Retail sở hữu 12 chuỗi cửa hàng F.Studio.

Trong sáu năm, FRT đã có đội ngũ hơn 5.000 nhân viên và đưa FRT từ 17 cửa hàng ban đầu lên đến 473 cửa hàng, từ mức "tự nuôi, đủ sống" ngày đầu lên mức lợi nhuận sau thuế năm 2017 gần 290 tỉ đồng.

Tôi đánh giá cao sự đóng góp của các cán bộ nhân viên đã luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao cùng với sự nhiệt thành đóng góp để tạo nên sự phát triển của doanh nghiệp ngày hôm nay.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn và tri ân Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục hợp tác cùng chúng tôi để cùng mang lại kết quả tốt đẹp trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN BẠCH ĐIỆP

DOANH THU THUẦN

13.147 tỷ đồng
tăng 21,1% so với 2016

TOP 4

nhà bán lẻ hàng đầu Việt Nam



LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

334 tỷ đồng
tăng 45,6% so với 2016

VỐN CHỦ SỞ HỮU

796 tỷ đồng
tăng 54,6% so với 2016



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

290 tỷ đồng
tăng 39,7% so với 2016

6 năm

473 cửa hàng
tăng 9 lần so với 2012

Cùng với sự phát triển của xã hội và thị trường công nghệ, Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đã, đang và sẽ nỗ lực không ngừng để trở thành đối tác uy tín đối với các nhà sản xuất Kỹ thuật số hàng đầu thế giới, đồng thời là điểm đến tin cậy của khách hàng Việt Nam.

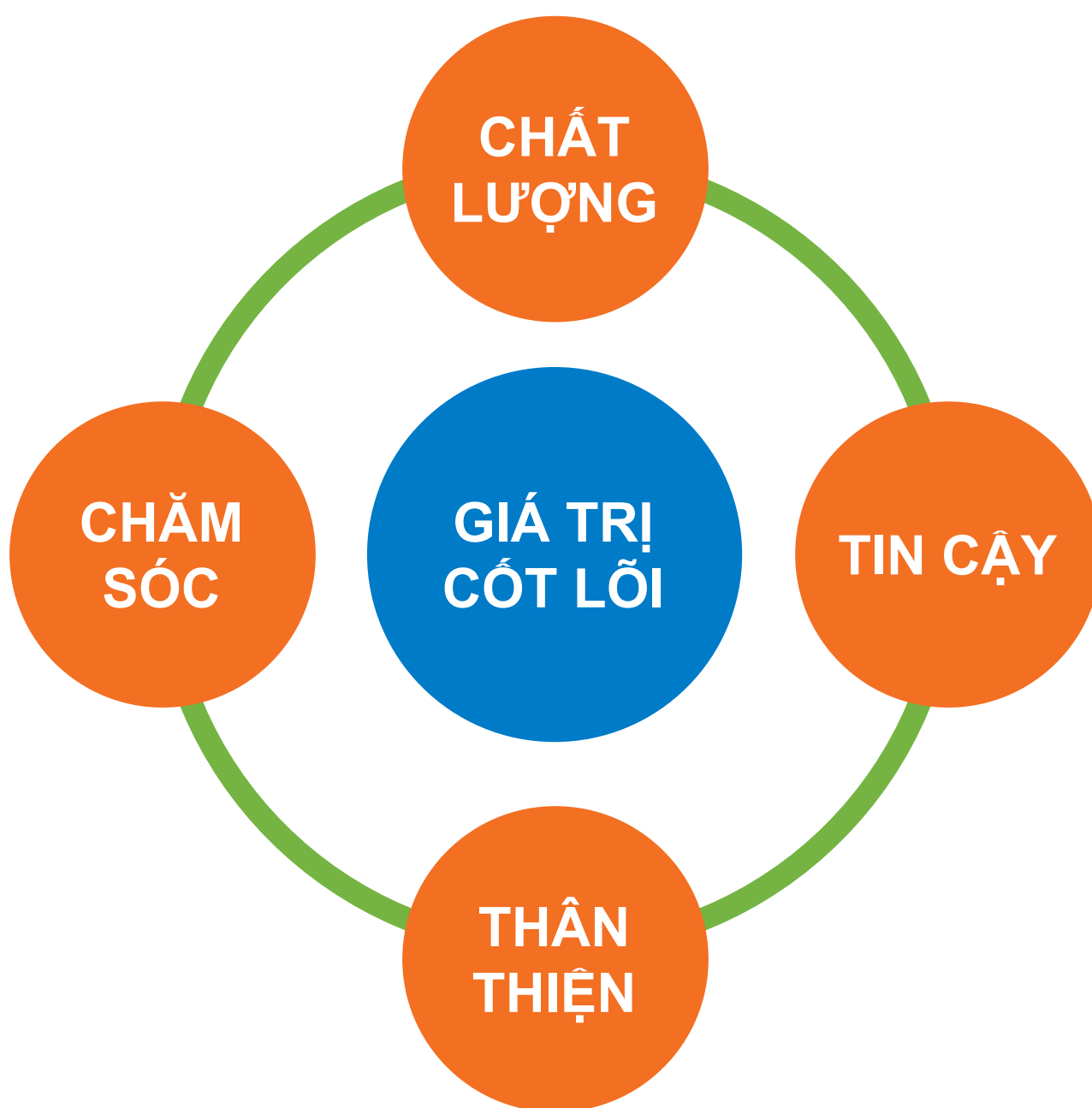


Chất lượng: Luôn đi đầu trong việc gây dựng uy tín, trách nhiệm để đảm bảo chất lượng sản phẩm, FPT Retail đem đến cho khách hàng sự an tâm tuyệt đối khi mua sắm các sản phẩm công nghệ.

Tin cậy: : Chữ “tín” chính là điều mà FPT Retail luôn chú trọng trong hoạt động phát triển thương hiệu, là điểm tựa niềm tin vững chắc cho khách hàng, là đối tác tin cậy với các hãng công nghệ.

Thân thiện: Hình ảnh FPT Retail thân thiện với khách hàng và tích cực trong các hoạt động cộng đồng chính là hướng đi lâu dài.

Chăm sóc: Với mục tiêu phục vụ khách hàng là ưu tiên số một, FPT Retail đang ngày càng hoàn thiện hơn chất lượng dịch vụ, đào tạo đội ngũ nhân viên nhiệt tình, trung thực, chân thành, làm hài lòng bất cứ khách hàng nào đến mua sắm.





CÔNG TY CỔ PHẦN BÀN LỄ KỸ THUẬT SỐ FPT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0311609355**

Vốn điều lệ: **400.000.000.000 đồng**

Mã cổ phiếu: **FRT**

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Địa chỉ: 261 - 263 Khánh Hội, Phường 05, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (+84-28) 7302 3456

Website: <http://fvt.vn>; <https://fptshop.com.vn>



2012

Tháng 03/2012 CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số **được thành lập**. Là một trong 07 công ty trực thuộc CTCP FPT



2013

Tháng 12/2013, FPT Shop chính thức đạt mốc **100** cửa hàng.



2014

FPT Shop đạt mốc **200** cửa hàng trên khắp 63 tỉnh thành. Trở thành nhà nhập khẩu trực tiếp của iPhone chính hãng.



2015

FPT Shop đạt được mức tăng trưởng nhanh nhất so với các công ty trực thuộc cùng Công ty Cổ phần FPT với doanh thu tăng **50%** so với năm 2014, lợi nhuận trước thuế tăng **338,7%**.



2016

FPT Shop đạt mốc **385** cửa hàng trên khắp 63 tỉnh thành. Doanh thu online tăng gấp đôi, đạt hơn **1.000** tỷ đồng. Khai trương **80** khu trải nghiệm Apple corner trên toàn quốc.

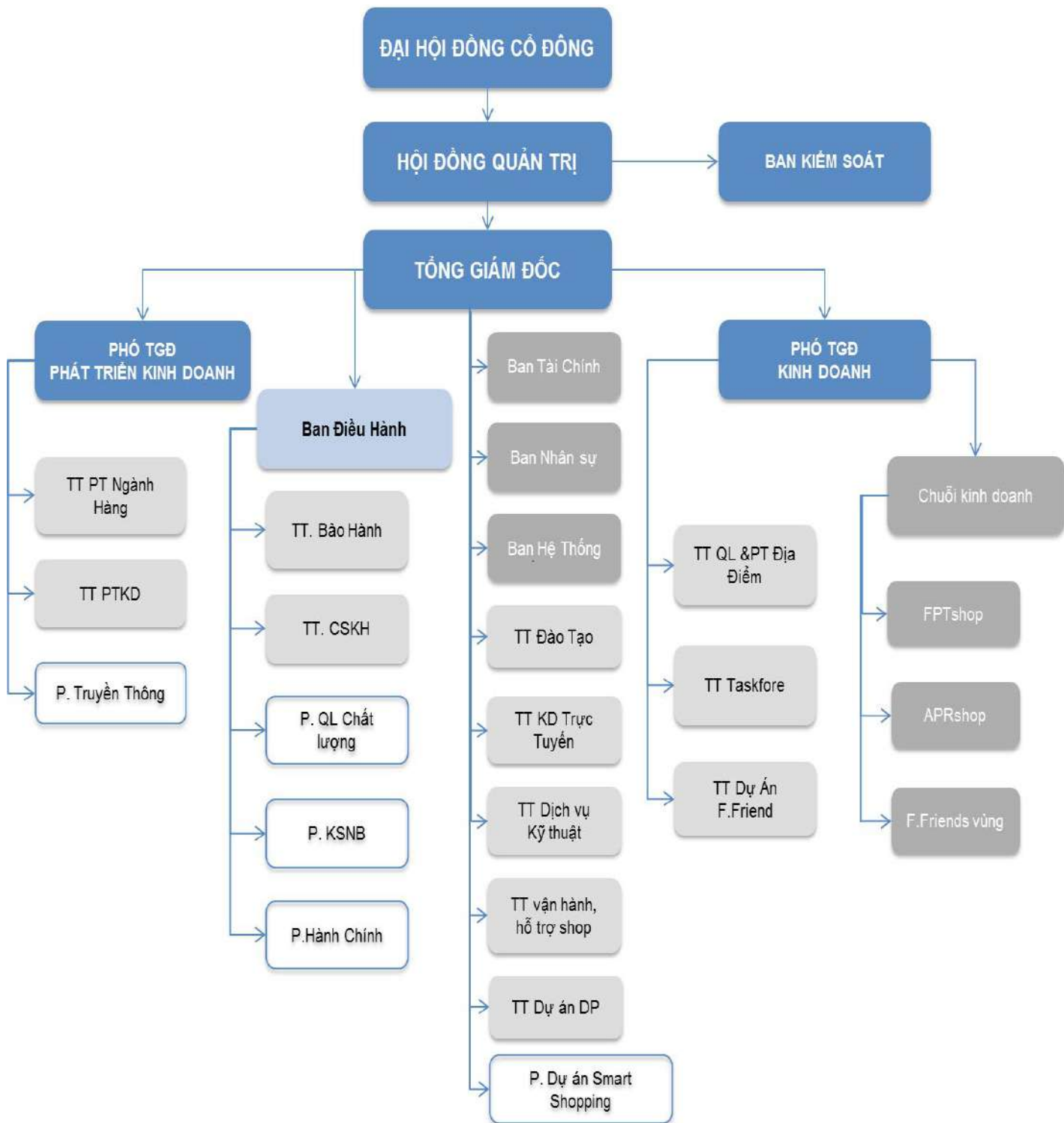


2017

Tháng 07/2017, Công ty đạt được các giải thưởng uy tín trong ngành bán lẻ như sau:
Top 4 nhà bán lẻ hàng đầu Việt Nam (Bộ Công Thương, 2017)
Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương (Retail Asia) (Euromonitor, 2017)
 Trở thành **công ty đại chúng** từ tháng 6/2017
 Tại 31/12/2017, Công ty có **473** cửa hàng trên toàn quốc (bao gồm cả FPT Shop và F.Studio)



Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: FPT Retail

Không có công ty con, công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT (“Công ty”, “FPT Retail”) có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào được đề cập dưới đây. Những rủi ro và khả năng không chắc chắn khác mà FPT Retail chưa đề cập, hoặc đánh giá là không đáng kể, cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, và vì thế ảnh hưởng đến giá cổ phần của Công ty sau khi niêm yết.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

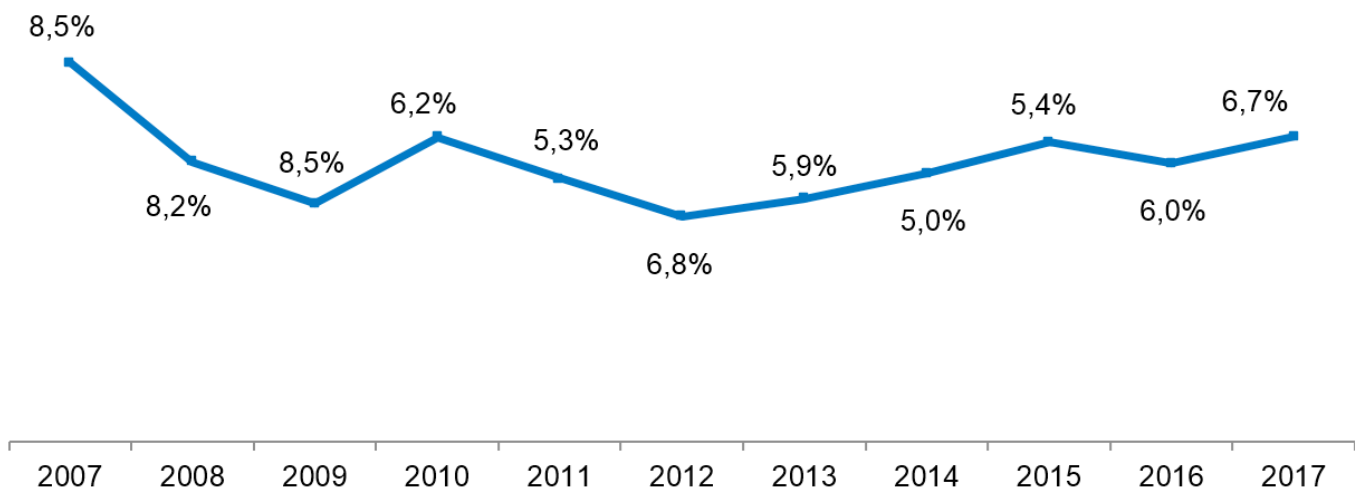
Tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành bán lẻ. Trong những năm gần đây, theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tương đối khả quan với mức tăng lần lượt là 5,9% (năm 2014), 6,7% (năm 2015), 6,2% (năm 2016) và 6,8% (năm 2017).
Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,8% so với năm 2016. Sự cải thiện này có được là do khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,4%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm. Nhìn chung, sự tăng trưởng GDP trong thời gian gần đây cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Theo đó, doanh thu bán lẻ Việt Nam năm 2017 đạt 2,9 triệu tỷ đồng, tương đương 130 tỷ đô la Mỹ, tăng 10,6% so với năm 2016. Đây là con số cao nhất từ trước đến nay của Việt Nam.

Tăng trưởng GDP được duy trì ở mức cao giúp gia tăng thu nhập và cải thiện tâm lý của người tiêu dùng. Đây là một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến doanh thu của FPT Retail, mức sống của người dân gia tăng cùng với sự mở rộng của tầng lớp trung lưu được cho là nguyên nhân chính khiến bán lẻ trở thành một lĩnh vực tiềm năng.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát

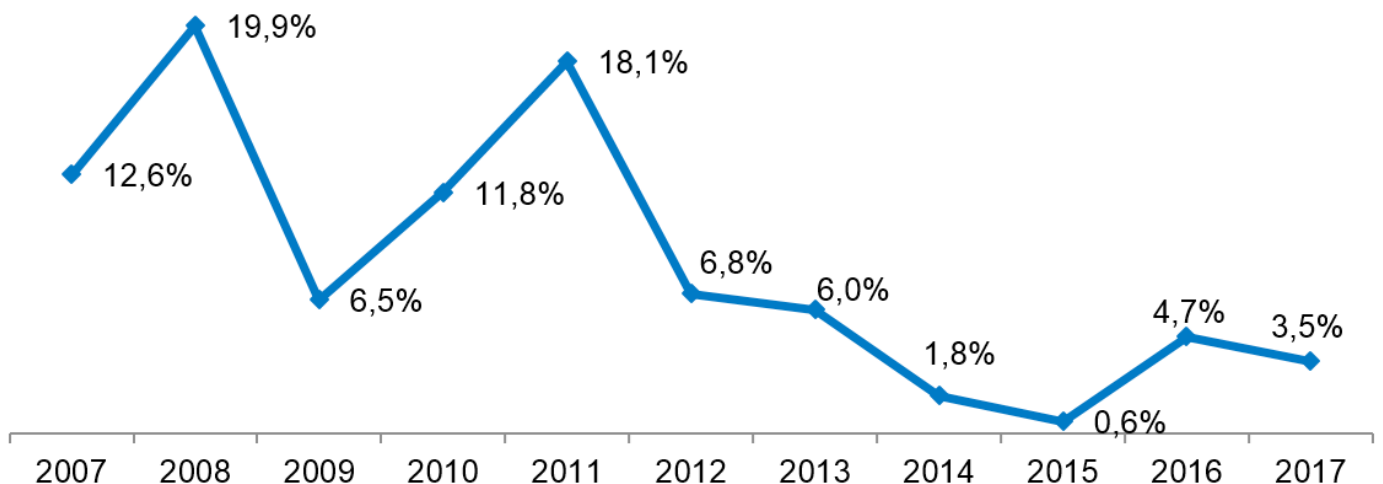
Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm xuống mức 6,8% (năm 2012) và còn 3,5% (năm 2017). Lạm phát năm 2017 tăng thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12 chỉ tăng 0,2% so với tháng trước và CPI bình quân năm tăng 3,5% so với bình quân 2016. Lạm phát thấp là cơ sở để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì

khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành bán lẻ như FPT Retail, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng giá hàng hóa mua vào, giá cước vận chuyển hàng hóa từ trung tâm phân phối đến các cửa hàng v.v. làm giảm sức mua của người tiêu dùng. Để phòng ngừa và hạn chế rủi ro này, Công ty luôn xây dựng kế hoạch ứng phó và hành động kịp thời trong những tình huống xấu nhất, thận trọng trong đầu tư cửa hàng mới, lập kế hoạch mua hàng hóa và lưu kho hàng hoá linh hoạt, đưa ra nhiều chính sách ưu đãi, chương trình khuyến mãi thu hút khách hàng, v.v.

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ và đặc biệt là kiểm soát lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế và khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Từ năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay hợp lý hơn. Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ổn định, cho dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động với mức độ tăng nhỏ. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam

phổ biến ở mức 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; và mức 6,4%-7,2%/năm cho kỳ hạn trên 12 tháng. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong những năm qua đã tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bán lẻ nói chung và FPT Retail nói riêng. Lãi suất thấp hỗ trợ Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro hàng tồn kho

Rủi ro quản lý hàng tồn kho luôn là vấn đề quan trọng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ. Hàng tồn kho của doanh nghiệp trong ngành bán lẻ thường được tài trợ phần lớn từ vốn vay ngắn hạn, do đó hàng tồn kho chậm bán sẽ làm tăng chi phí lãi vay, khiến các doanh nghiệp bán lẻ phải giảm giá để xử lý hàng tồn kho, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức rất rõ tầm quan trọng hàng tồn kho đóng góp rất nhiều vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, FPT Retail đã từng bước cải thiện quy trình hoạt động và xây dựng hệ thống quản trị hàng tồn kho tốt, đảm bảo khối lượng hàng tồn kho luôn duy trì mức bình ổn.

Rủi ro cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển chung của ngành bán lẻ trong thời gian gần đây, thị trường phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin và thiết bị di động có sự cạnh tranh tương đối lớn. Ngoài việc cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn như Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG), Công ty TNHH Cao Phong (Điện máy Chợ lớn), Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim, ... FPT Retail còn chịu áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ với giá bán sản phẩm thường rẻ hơn các sản phẩm do Công ty phân phối. Việc gia tăng số lượng ngày càng nhiều các công ty này làm tăng rủi ro cạnh tranh, đặc biệt là các công ty cạnh tranh bằng cách giảm giá bán lẻ một cách quyết liệt nhằm giải quyết hàng tồn kho.

Tuy nhiên, FPT Retail vẫn luôn nỗ lực trong công tác tìm kiếm cơ hội mới và nắm bắt kịp thời thị trường tại từng thời điểm để có những giải pháp kinh doanh phù hợp nhất nhằm kích thích tiêu dùng trong nước, từ đó sẽ hỗ trợ Công ty rất nhiều trong bối cảnh cạnh tranh hiện tại.

Rủi ro công nghệ

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ các sản phẩm công nghệ thông tin và thiết bị di động nên rủi ro công nghệ là một rủi ro mà FPT Retail không thể tránh khỏi. Hiện nay, khi công nghệ đang ngày càng phát triển nhanh chóng thì những sản phẩm điện thoại di động/máy tính cá nhân với những tính năng mới, mẫu mã được cải thiện liên tục ra đời để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng thay đổi của khách hàng. Chính vì vậy, vòng đời của các sản phẩm thường khá ngắn, điều này làm cho Công ty phải chịu thêm rủi ro khi các sản phẩm cũ không tiêu thụ được đồng thời tốn thêm chi phí trong việc liên tục mua về những sản phẩm công nghệ mới. Tuy vậy, với vị thế là 1 trong những Công ty bán lẻ điện thoại di động hàng đầu tại Việt Nam, trong những năm qua, FPT Retail luôn tập trung đầu tư nghiên cứu nhu cầu của thị trường, cập nhật thường xuyên sản phẩm mới để có những giải pháp kinh doanh phù hợp nhất tại từng thời điểm. Bên cạnh đó, việc sở hữu đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm trong ngành cũng đã hỗ trợ Công ty rất nhiều trong bối cảnh vòng đời sản phẩm ngắn và tính cạnh tranh cao.



RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghệ điện tử bán lẻ, FPT Retail chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, v.v.. Việt Nam hiện đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, cũng như hạn chế tối đa những rủi ro liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty đã thành lập bộ phận pháp chế, chuyên theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của FPT Retail, tư vấn cho ban lãnh đạo các vấn đề có liên quan, và hỗ trợ phòng Nhân sự trong việc phổ biến kiến thức pháp luật nhằm nâng cao tính tuân thủ quy định của pháp luật cũng như nội quy của Công ty.



RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu FPT Retail khi niêm yết tại HSX được kỳ vọng sẽ tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, tăng tính minh bạch của Công ty, và giúp Công ty quảng bá thương hiệu và nâng cao hình ảnh.

Tuy nhiên, biến động giá cổ phiếu FPT Retail sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế; tình hình ngành công nghệ điện tử bán lẻ, và hoạt động của Công ty; các thay đổi về luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trong nước và quốc tế, cá nhân và tổ chức trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố khó lường trước.



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác bao gồm rủi ro cháy nổ, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, đình công, khủng bố, v.v. Các rủi ro này khó có thể lường trước được. Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm tại các cửa hàng FPT Shop và F. Studio, lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017



Kết thúc năm tài chính 2017, doanh thu thuần của FPT Retail đạt 13.147 tỷ đồng, tăng trưởng 21,1% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt gần 290 tỷ đồng, tăng 39,7% so với năm 2016. Sự tăng trưởng của doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế được đến từ các nguyên nhân chính như sau:

Doanh thu thuần từ bán lẻ điện thoại di động và các sản phẩm Apple trong năm 2017 đạt tổng giá trị 10.213 tỷ đồng, tăng trưởng 24,1% so với năm 2016. Tăng trưởng doanh thu này chủ yếu là do Apple liên tục ra mắt các dòng sản phẩm điện thoại cao cấp mới như Iphone X, Iphone 8 plus, ... và tương tự cho nhóm sản phẩm của các thương hiệu Samsung và Oppo v.v. đã góp phần đáng kể cho việc tăng trưởng doanh thu từ mảng điện thoại di động của Công ty trong năm 2017. Ngược lại, doanh thu từ máy tính bảng trong năm 2017 đạt 252 tỷ đồng, giảm 24,6% so với năm 2016 do các dòng điện thoại thông minh liên tục ra mắt các sản phẩm ưu việt với đa tính năng, màn hình rộng và dần thay thế tính năng cơ bản máy tính bảng, dẫn đến lượng tiêu thụ của nhóm sản phẩm này bị giảm.

Năm 2017, tổng lợi nhuận gộp của FPT Retail đạt 1.816 tỷ đồng, tăng trưởng 28,8% so với năm 2016. Trong đó, mảng điện thoại di động và sản phẩm Apple luôn là lĩnh vực chủ đạo của Công ty, đạt giá trị 1.267 tỷ đồng, tăng 28,6% so với năm 2016, với tỷ suất lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần đạt 12,4% trong năm 2017, nhờ vào việc mở rộng quy mô hoạt động và hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ lẫn chế độ hậu mãi cho người tiêu dùng.

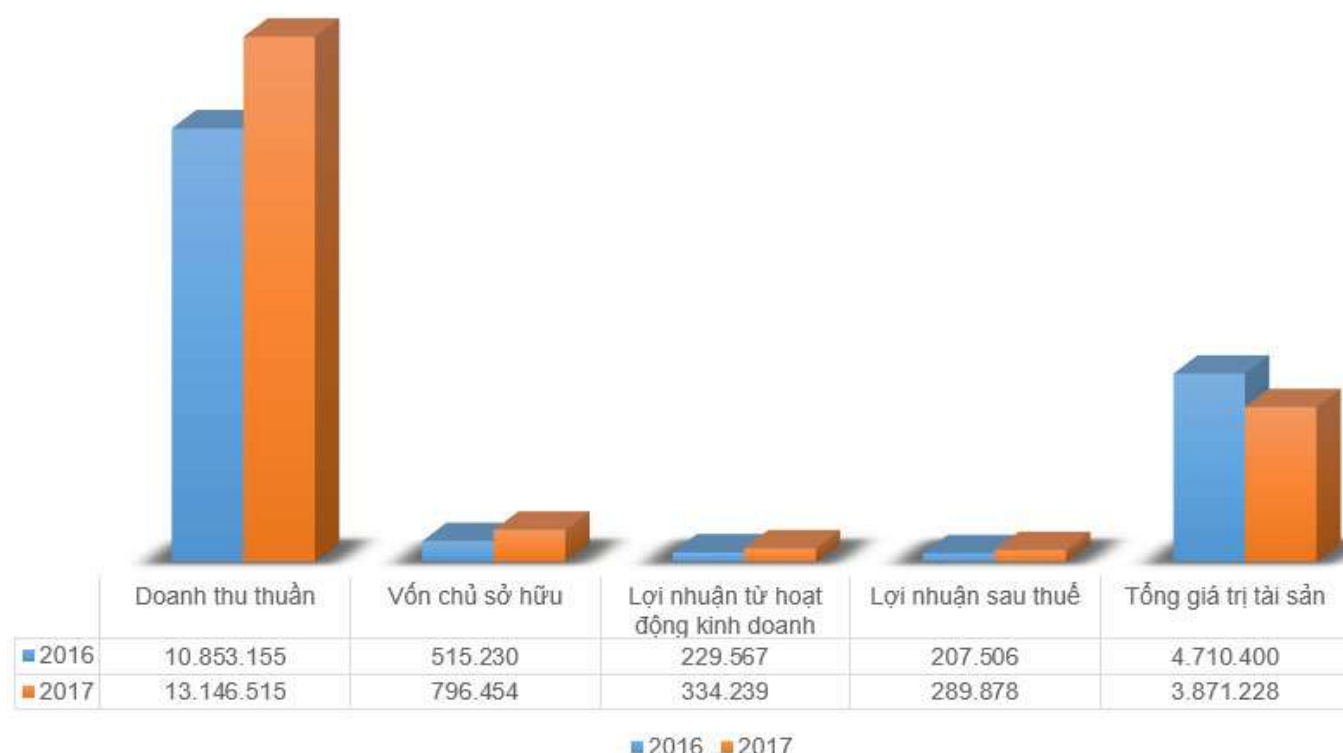
Ngoài ra, Tỷ suất lợi nhuận gộp của sản phẩm phụ kiện và dịch vụ tăng từ 27,1% lên 29,3% nhờ vào việc FPT Retail gia tăng nhập khẩu phụ kiện trực tiếp và làm việc trực tiếp với các Nhà cung cấp nên đàm phán được giá tốt nhất, giúp gia tăng tỷ suất lợi nhuận gộp từ nhóm sản phẩm này.

Chi phí tài chính của Công ty đạt 82 tỷ đồng, tăng 9,3% so với năm 2016. Chi phí này phần lớn là lãi vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động cho Công ty trong năm 2017.

Chi phí bán hàng đạt 1.154 tỷ đồng, tăng 23,2% so với năm 2016. Chi phí bán hàng tăng chủ yếu là do là do tăng chi phí linh kiện, vật tư bảo hành; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí quảng cáo, hội nghị khi PR và Marketing sản phẩm mới.

Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 300 tỷ đồng, tăng 23,3% so với năm 2016, chủ yếu là do sự gia tăng chi phí lương nhân viên khi Công ty mở rộng quy mô cửa hàng.

Hình 4: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Công ty hiện đang sở hữu 02 chuỗi bán lẻ là FPT Shop và F.Studio



Là chuỗi chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số di động bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện và dịch vụ công nghệ v.v. FPT Shop là hệ thống bán lẻ đầu tiên ở Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, FPT Shop là chuỗi bán lẻ lớn thứ 2 trên thị trường bán lẻ hàng công nghệ sau chuỗi cửa hàng của Thế giới di động.





Là chuỗi bán lẻ ủy quyền cao cấp của Apple tại Việt Nam, chuyên cung cấp các sản phẩm và phụ kiện chính hãng Apple. FPT Retail là công ty đầu tiên có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), Cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và iCorner. Các sản phẩm tập trung như: điện thoại Iphone, máy tính bảng Ipad, Macbook, Apple Watch và các phụ kiện chính hãng của Apple. Tính đến 31/12/2017, FPT Retail sở hữu 12 chuỗi cửa hàng F.Studio.

Các cửa hàng của FPT Retail có diện tích bình quân từ 75 m2 đến 100 m2 và được thuê với các hợp đồng dài hạn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định trong thời gian thuê. Việc thuê mặt bằng giúp giảm thiểu vốn đầu tư ban đầu để xây dựng cửa hàng cũng như đẩy nhanh việc mở rộng trên khắp cả nước.



Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc (TGD) và 02 Phó TGD. TGD do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó TGD do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của TGD.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỈ LỆ SỞ HỮU
1	Bà NGUYỄN BẠCH ĐIẾP	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,5%
2	Bà TRỊNH HOA GIANG	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,5%
3	Ông NGUYỄN VIỆT ANH	Phó Tổng Giám đốc	0,7%
4	Bà VŨ THANH HUYỀN	Kế toán trưởng	0,4%

THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO

**BÀ NGUYỄN BẠCH ĐIỆP**

Chủ tịch HĐQT
Kiêm Tổng giám đốc

**BÀ TRỊNH HOA GIANG**

Thành viên HĐQT
Kiêm Phó tổng giám đốc

**ÔNG NGUYỄN VIỆT ANH**

Phó tổng giám đốc

**BÀ VŨ THANH HUYỀN**

Kế toán trưởng

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1998 - 2001 Trợ lý Giám đốc Kinh doanh bán lẻ - Công ty phát triển đầu tư Công nghệ FPT

2001 - 2003 Phó Giám đốc - Business Unit

2003 - 2008 Phó Tổng giám đốc - FPT Mobile

10/2008 - 2009 Tổng giám đốc - Công ty điện thoại Ivoice

2009 - 2011 Tổng Giám đốc - FPT Telecom miền Nam

2011 - 2012 Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bán lẻ FPT

2012 - nay Tổng Giám đốc - CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

01/01/2017 đến nay Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1994 - 2001 Giảng viên khoa Du lịch, Viện Đại học mở Hà Nội

1997 - 2001 Khách sạn Meritus Westlake Hà nội

2001 - 2003 Giám đốc Nhân sự Trung tâm thương mại VKO

2003 - 2007 Phụ trách hệ thống showroom FPT Mobile.

2007 - 2011 Giám đốc Kinh doanh kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Bán lẻ FPT

2012 đến nay Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân ngành sư phạm tiếng Nga và tiếng Anh, Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2001 - 2003 Chuyên viên kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young

2004 - 2005 Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam

2005 - 2006 Giám đốc phát triển kinh doanh - Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam

2006 - 2008 Giám đốc phân tích tài chính khu vực châu Á - Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam

2009 - 2010 Giám đốc chuỗi cung ứng toàn quốc - L'OREAL Group

2010 - 2011 Giám đốc tài chính và Giám đốc kinh doanh toàn quốc - Nokia

2014 - 2015 Giám đốc kinh doanh toàn quốc - Apple South Asia Pte Ltd

2016 đến nay Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân ngành sư phạm tiếng Nga và tiếng Anh, Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1996 Nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần FPT

2003 Nhân viên Kế toán Công ty Phân phối điện thoại di động FPT

2007 Kế toán trưởng Công ty TNHH Bán lẻ FPT

2012 Kế toán trưởng Công ty CP bán lẻ kỹ thuật số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế

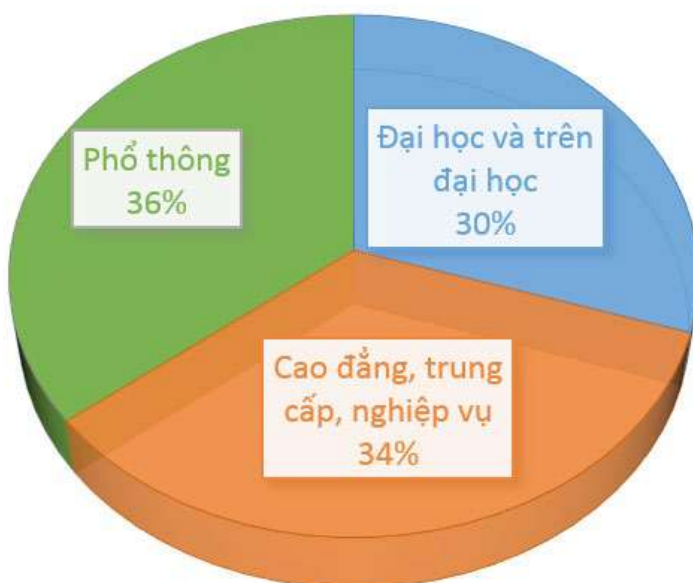
SỐ LƯỢNG
CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
TRONG NĂM 2017

Hình 5: Cơ cấu trình độ lao động

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là

5.905
người,



Nguồn: FPT Retail

Bao gồm, nhân viên chính thức là

4.665
người

Nhân viên học việc/ thử việc.

1.240
người



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 44-48 h/tuần tùy theo vị trí công việc. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được **nghỉ phép** 12 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có các phòng ban, trung tâm phối hợp hỗ trợ trong việc đào tạo nhân sự, xây dựng quy chế, quy trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển của Công ty.

Thiết lập và áp dụng các công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả đào tạo bằng các hệ thống quản trị hiện đại thông qua việc đo lường mức độ hài lòng của khách hàng khi mua sắm tại chuỗi cửa hàng FPT Shop; và các hành vi được tiêu chuẩn của nhân viên khi phục vụ khách hàng. Hệ thống lương thưởng của nhân viên được thay đổi để gắn chặt vào mức độ hài lòng của khách hàng và các hành vi tiêu chuẩn khi phục vụ khách hàng. Từ đó, Công ty có thể đánh giá chất lượng tuyển dụng và đào tạo của từng nhân viên.





Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách tiền lương

Công ty có chế độ lương theo từng vị trí công việc cụ thể và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Mức lương tối thiểu: Công ty áp dụng mức lương/người/ tháng (thực lĩnh) cao hơn hoặc ít nhất bằng mức lương tối thiểu vùng mà Nhà nước ban hành.

Điều chỉnh, tăng lương: Căn cứ vào tình hình kinh doanh của công ty và kết quả đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận cho từng cá nhân trong năm, Công ty sẽ quyết định điều chỉnh tăng lương cho phù hợp với từng cá nhân.

Chính sách phụ cấp

Phụ cấp theo chức danh : Căn cứ vào tính chất công việc mà mỗi chức danh có phụ cấp khác nhau (hoặc không có)

Phụ cấp theo level : Một số phụ cấp xét theo tiêu chí level (cấp bậc) của nhân viên.

Chính sách phúc lợi khác

Các loại Bảo hiểm bắt buộc (Bảo hiểm Xã hội): theo đúng luật lao động
Bảo hiểm sức khỏe FPT Care: cho level 3 trở lên

Nghỉ mát: hàng năm 1 lần

Nghỉ ốm, thai sản: theo đúng quy định của nhà nước

Công đoàn: cưới hỏi, ma chay, sinh đẻ, ốm nặng, lễ tết

Chính sách thưởng

Thưởng tháng 13, 14: Tùy vào tình hình kinh doanh của Công ty, Cán bộ nhân viên thỏa các điều kiện theo chính sách hàng năm sẽ được thưởng thêm tháng 13, 14... theo số tháng làm việc thực tế trong năm.

Thưởng cuối năm âm lịch: Vào dịp tết nguyên đán hàng năm, Công ty sẽ căn cứ vào kết quả làm việc của các cá nhân để xét thưởng theo thành tích. Cơ cấu thưởng và mức thưởng được công bố chi tiết trong chính sách thưởng của Công ty.

Thưởng thi đua, sáng kiến:

Công ty có các Chương trình thi đua và tiêu chí thưởng riêng cho mỗi Chương trình.

Các cá nhân có đóng góp tích cực, có sáng kiến cải tiến sẽ được thưởng riêng để khuyến khích

Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn có các phần thưởng để vinh danh các cá nhân xuất sắc nhất hàng năm theo kết quả bầu chọn từ các bộ phận, phòng ban.

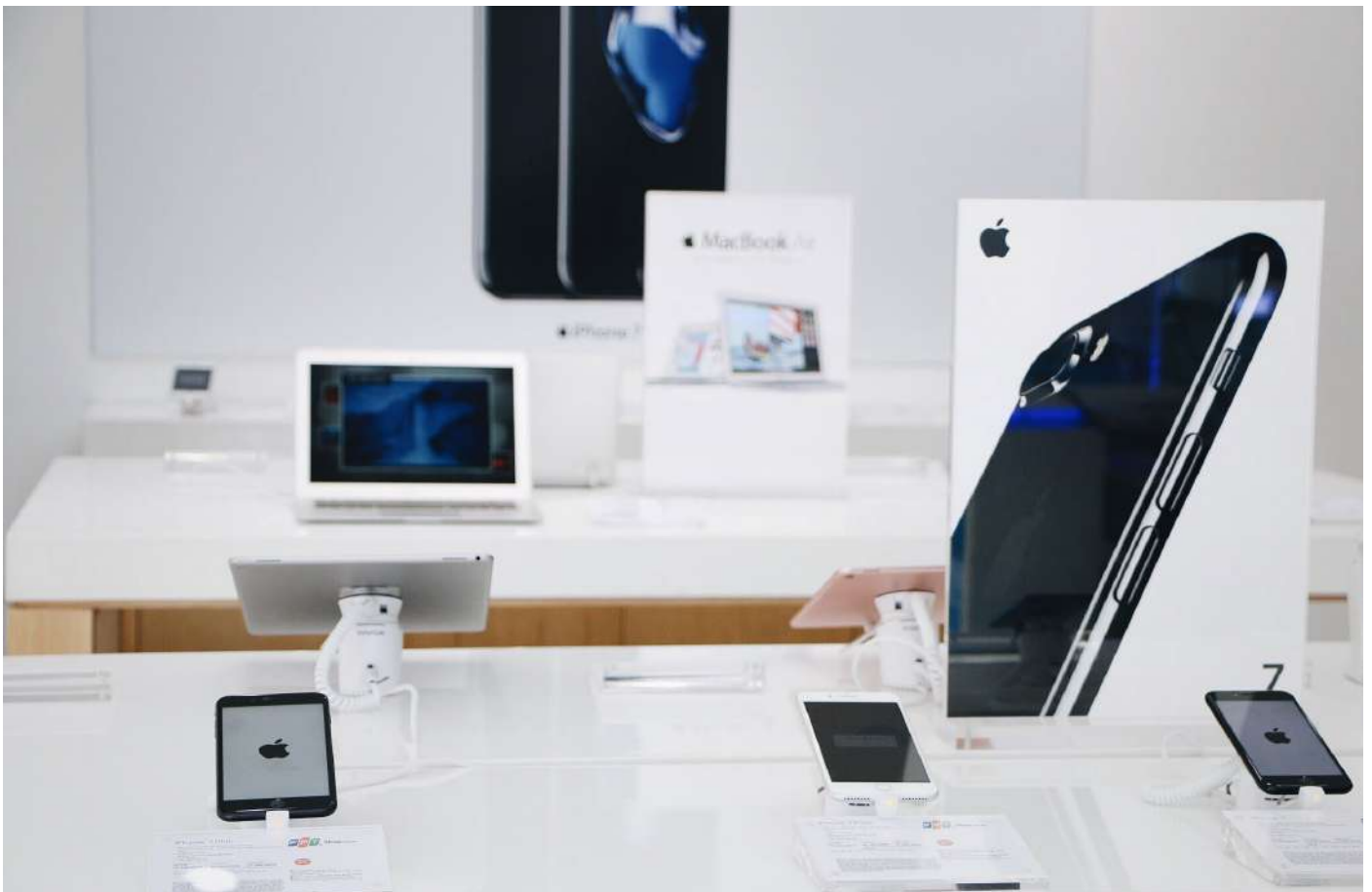
Thưởng theo dự án: Các dự án sẽ có chính sách thưởng riêng theo đặc thù và tính chất công việc của từng dự án.

Thưởng khoán/KPI: Mỗi nhân viên sẽ có một KPI riêng tùy vào tính chất công việc của từng chức danh và bộ phận. Mức hoàn thành KPI này sẽ quyết định tiền thưởng chi tiết của từng nhân viên hàng tháng và hàng năm.

DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CÓ GIÁ TRỊ LỚN

STT	Loại Hợp đồng	Tên Khách hàng	Nội dung	Giá trị	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Apple Việt Nam	Nhập hàng bán	3.287.899	Năm 2017
2	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Samsung Vietnam	Nhập hàng bán	3.821.408	Năm 2017
3	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty Cổ Phần Di Động Thông Minh	Nhập hàng Oppo	759.847	Năm 2017
4	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Công nghệ Vivo	Nhập hàng bán	94.577	Năm 2017
5	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Phân Phối FPT	Nhập hàng bán	721.136	Năm 2017
6	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Nhà nước MTV TM và Xuất nhập khẩu Viettel	Nhập hàng Huawei	131.372	Năm 2017
7	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Phân phối dầu khí	Nhập hàng bán	277.188	Năm 2017
8	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	Nhập hàng bán	189.755	Năm 2017
9	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Khoa học Oppo	Nhập hàng Oppo	187.277	Năm 2017

Nguồn FPT Retail



Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

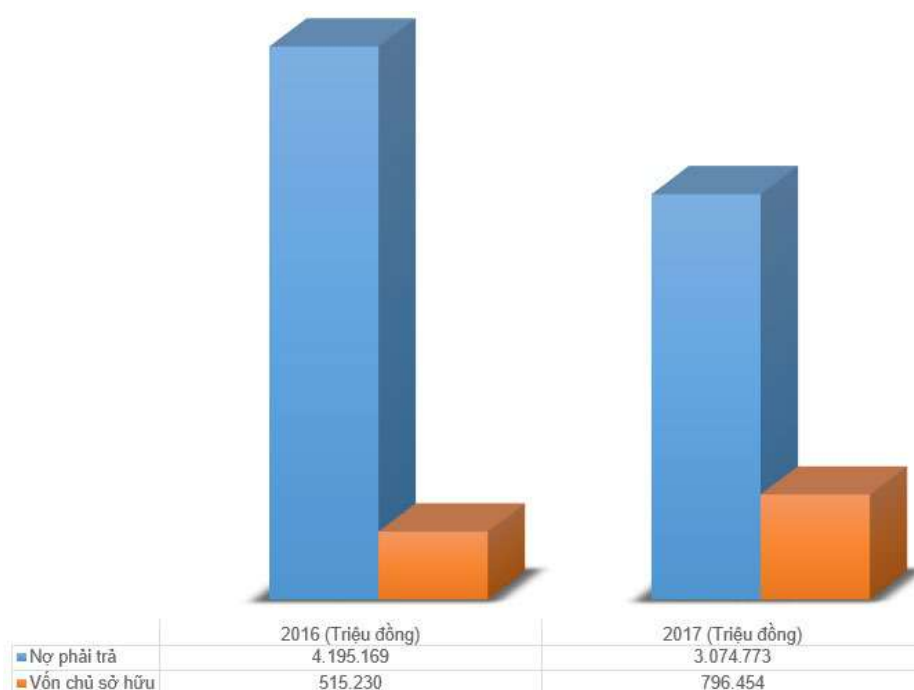
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016 (Triệu đồng)	NĂM 2017 (Triệu đồng)	% TĂNG, GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	4.710.400	3.871.228	(17,8%)
2	Vốn chủ sở hữu	515.230	796.454	54,6%
3	Doanh thu thuần	10.853.155	13.146.515	21,1%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	229.567	334.239	45,6%
5	Lợi nhuận khác	29.815	28.835	(3,3%)
6	Lợi nhuận trước thuế	259.382	363.074	40,0%
7	Lợi nhuận sau thuế	207.506	289.878	39,7%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	0%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	50,2%	44,2%	(11,9%)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn của công ty từ trong năm 2017 giảm so với năm 2016 là 17,8%, mức giảm này là do tỉ trọng nợ phải trả giảm xuống và giảm 26,7% so với năm 2016. Ngoài ra, tỉ trọng của vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng so với năm 2016 là 54,6% do công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

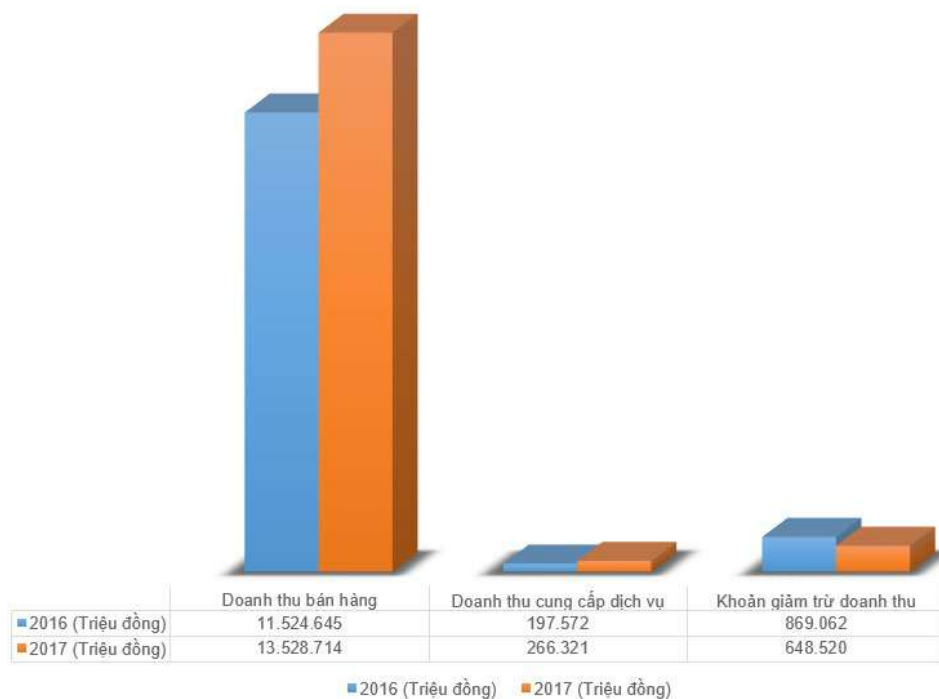
Hình 6: Cơ cấu nguồn vốn





Cơ cấu doanh thu

Hình 7: Cơ cấu doanh thu



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	2016	2017
1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,05	1,14
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản lưu động-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,59	0,58
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,89	0,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	8,14	3,86
3. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay Hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	5,99	6,17
Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	2,96	3,06
4. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,9	2,2
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	50,2	44,2
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,7	6,8
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,1	2,5

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Với đặc thù của ngành bán lẻ các sản phẩm công nghệ thông tin, tài sản lưu động của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản, bình quân trên 92,3% trong 03 năm 2015 – 2017. Trong năm 2017, tài sản lưu động của Công ty chỉ chiếm 90,7% trên tổng tài sản, đạt giá trị 3.509 tỷ đồng, giảm 20,4% so với năm 2016, đồng thời cả **hàng tồn kho lẫn nợ ngắn hạn cũng giảm**, lần lượt 11,5% và 26,7% cho thấy rằng Công ty đang quản lý hiệu quả hàng tồn kho và giảm thiểu nợ ngắn hạn tài trợ để gia tăng hiệu quả doanh thu trên từng cửa hàng.

Khả năng thanh toán nhanh lẫn khả năng thanh toán hiện hành luôn được duy trì mức an toàn, lần lượt đạt 0,58 và 1,14 trong năm 2017.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,79 lần và 3,86 lần. Trong năm 2017, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng **vốn điều lệ** từ 200 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và trả bớt các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, do đó hệ số **Nợ/Vốn chủ sở hữu** được cải thiện đáng kể.



Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của Công ty được đánh giá khả quan nhờ vào chính sách chiết khấu cao, chính sách bán hàng linh động, kiểm soát tốt giá vốn hàng bán, **hàng tồn kho** giảm mạnh từ 1.948 tỷ đồng (năm 2016) xuống 1.723 tỷ đồng (năm 2017), cho thấy hàng tồn kho được luân chuyển nhanh. Tương tự, **vòng quay tổng tài sản** của FPT Retail cũng tăng từ 2,96 lần (năm 2016) lên 3,06 lần (năm 2017).

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2017 cải thiện hơn so với năm 2016. Công ty tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc cơ cấu lại ngành hàng, nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, tân trang lại các cửa hàng và đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn để duy trì khách hàng hiện hữu và phát triển nhóm khách hàng mới, nhờ vậy tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2017 đạt 2,2%, tăng 15,3% so với năm 2016. Tương tự, ROA đạt 6,8%, tăng 19,3% so với năm 2016.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, FPT Shop không chỉ quan tâm đến lợi ích kinh doanh và lợi nhuận mà mỗi cá nhân tại đây đều xem việc đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội là trách nhiệm rất lớn của mình

FPT Shop hiểu rằng sự tồn tại và phát triển của mình gắn liền với sự phát triển của xã hội nên trong thời gian qua, hơn 5.000 con người, từ lãnh đạo đến nhân viên FPT Shop luôn hết lòng hết sức, tổ chức nhiều chương trình từ thiện nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn.

Với thể mạnh là nhà bán lẻ các sản phẩm công nghệ, FPT Shop thường xuyên tổ chức những chương trình tặng quà, mang “ánh sáng” công nghệ đến gần hơn với nhiều người. Nổi bật là chương trình “Tiếp sức đến trường” của báo Tuổi Trẻ tổ chức vào tháng 8/2013. Trong chương trình này, FPT Shop phối hợp cùng Nokia đã trao 100 điện thoại Nokia Asha 501 và 13 laptop Core i3 đến các bạn tân sinh viên nghèo vượt khó, giành kết quả cao trong kỳ thi tuyển sinh đại học. Nhìn thấy những nụ cười hạnh phúc, những gương mặt rạng rỡ, FPT Shop hiểu rằng mình đã thực sự giúp một điều gì đó cho tương lai của các em. Phát biểu về chương trình, ông **Ngô Quốc Bảo**, đại diện FPT Shop cho biết: “*Qua chuỗi sự kiện tài trợ lần này, FPT Shop hy vọng có thể khởi động tinh thần tương thân tương ái ngay ở tâm lòng mỗi nhân viên/ cán bộ công ty, công nghệ càng cao - tinh thần càng sâu.*”



Không dừng bước ở đó, FPT Shop đã và đang tích cực thực hiện rất nhiều chương trình khác nhau, tùy vào thời gian, tùy vào đối tượng: mùa thi thì có chương trình “Đồng hành cùng sĩ tử”, “Tiếp sức mùa thi”, lũ lụt dân cao thì chương trình “Cứu trợ đồng bào mùa lũ” cũng kịp thời phát động. Hàng năm, người FPT Shop luôn tích cực tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo, đóng góp ngày lương gây quỹ cho những người có hoàn cảnh khó khăn, quyền góp cho trường học, bệnh viện...



FPT Shop tham gia cùng tàu HQ996 ra thăm Trường Sa



Chung tay cứu trợ người dân vùng lũ – tháng 10/2017



Trao học bổng cho học sinh nghèo tại Hải Phòng – 3/2016



Tập thể FPT Shop đồng lòng quyên góp một ngày lương ủng hộ quỹ “FPT vì cộng đồng”, riêng lãnh đạo đơn vị ủng hộ từ 2 đến 3 ngày lương - ảnh chụp cùng Á Hậu Dương Tú Anh (3/2014)

Trong liên tiếp 4 năm qua, toàn thể CBNV FPT Shop đều cùng tham gia với tập đoàn FPT để quyên góp mỗi người ít nhất một ngày lương vào Quỹ “Người FPT vì cộng đồng”, để cùng san sẻ với những hoàn cảnh bất hạnh, hỗ trợ kịp thời những trường hợp CBNV gặp khó khăn, thực hiện các hoạt động thiện nguyện trên khắp cả nước...

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính FPT Retail được nhận diện bởi 02 chuỗi bán lẻ: (i) FPT Shop – chuyên bán lẻ các sản phẩm điện thoại di động và thiết bị điện tử, và (ii) F.Studio – chuyên cung cấp tất cả sản phẩm liên quan đến thương hiệu Apple, như: điện thoại Iphone, máy tính bảng Ipad, Macbook, Apple Watch và các phụ kiện chính hãng của Apple.

CƠ CẤU DOANH THU

Trong năm 2017, tổng doanh thu của FPT Retail đạt 13.147 tỷ đồng, tăng 21,1% so với năm 2016.

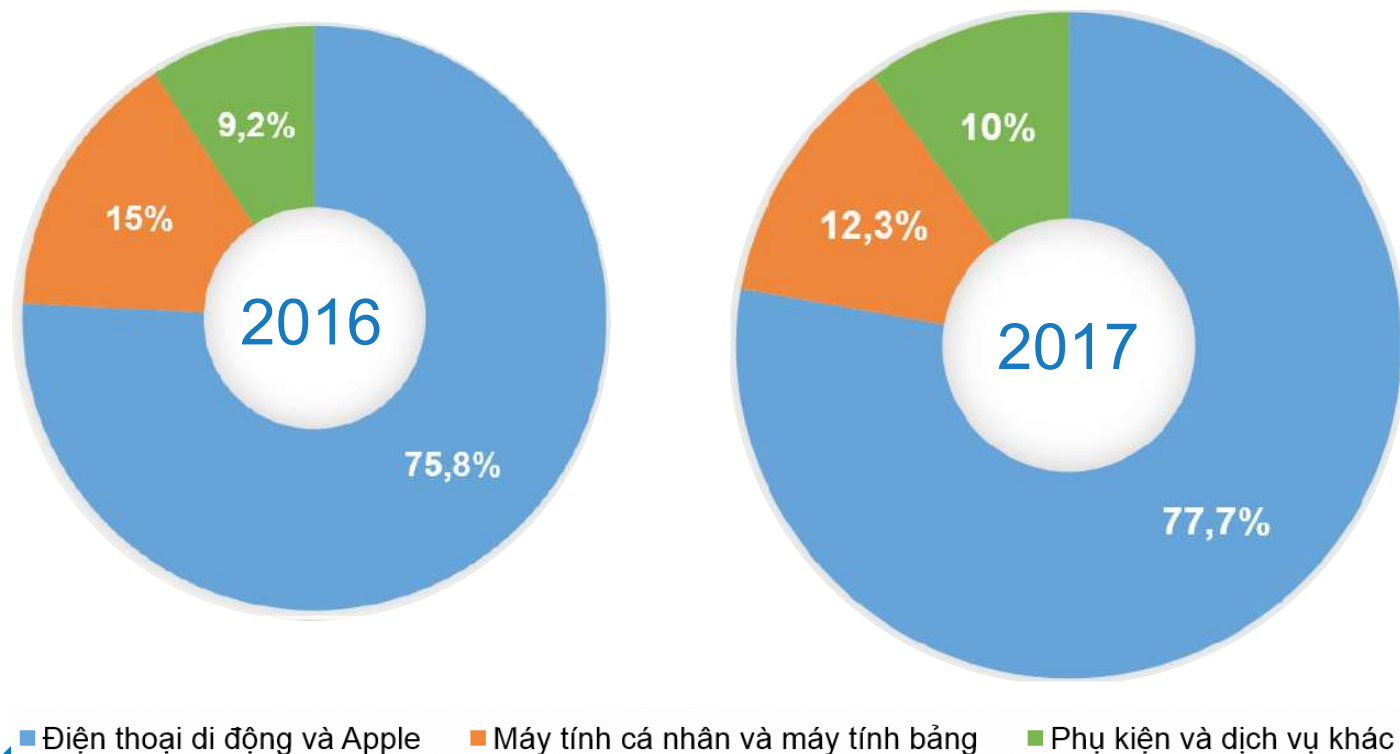
Doanh thu từ mảng bán lẻ điện thoại di động và Apple trong năm 2017 đạt 10.213 tỷ đồng, tăng trưởng 24,1% so với năm 2016 và đóng góp 77,0% vào tổng doanh thu thuần của FPT Retail. Nguyên nhân tăng trưởng là do trong năm 2017, Công ty mở mới thêm 88 cửa hàng, đồng thời đẩy mạnh kênh bán hàng online. Sản phẩm điện thoại Công ty hướng đến các sản phẩm thuộc phân khúc trung và cao cấp với các thương hiệu nổi tiếng như Samsung,

Oppo, Nokia v.v.. Trong đó doanh thu bán các sản phẩm Apple thông qua Chuỗi bán lẻ F.Studio tăng 38,9% so với năm 2016. Nguyên nhân chính của sự tăng trưởng này là trong năm 2017, hãng Apple liên tục ra mắt hàng loạt sản phẩm mới như Iphone X, Iphone 8, Iphone 8 plus với nhiều tính năng vượt trội, độ phân giải cao, tốc độ xử lý nhanh và dung lượng lớn đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đến cuối năm 2017, FPT Retail sở hữu 12 cửa hàng F.Studio, so với 04 cửa hàng vào cuối năm 2016.

Doanh thu bán các sản phẩm máy tính cá nhân và máy tính bảng đạt 1.620 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2016 và đóng góp 12,3% vào tổng doanh thu thuần trong đó doanh thu bán máy tính bảng giảm 24,6% so với năm 2016, do ảnh hưởng từ sự suy giảm của thị trường chung bởi xu hướng của người tiêu dùng đang dịch chuyển dần từ sử dụng điện thoại thay thế cho máy tính bảng.

Doanh thu Phụ kiện và các dịch vụ khác đạt 1.314 tỷ đồng, tăng mạnh 31,9% so với mức 996 tỷ đồng năm 2016, đóng góp hơn 10,0% vào tổng doanh thu thuần. Nguyên nhân là do Công ty nhận thấy phân khúc phụ kiện và dịch vụ khác có biên lãi gộp cao nên đã và đang tiếp tục mở rộng nhóm hàng này trong năm 2017 và trong thời gian tới.

Hình 8: Cơ cấu doanh thu từng nhóm sản phẩm



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG NHÓM SẢN PHẨM

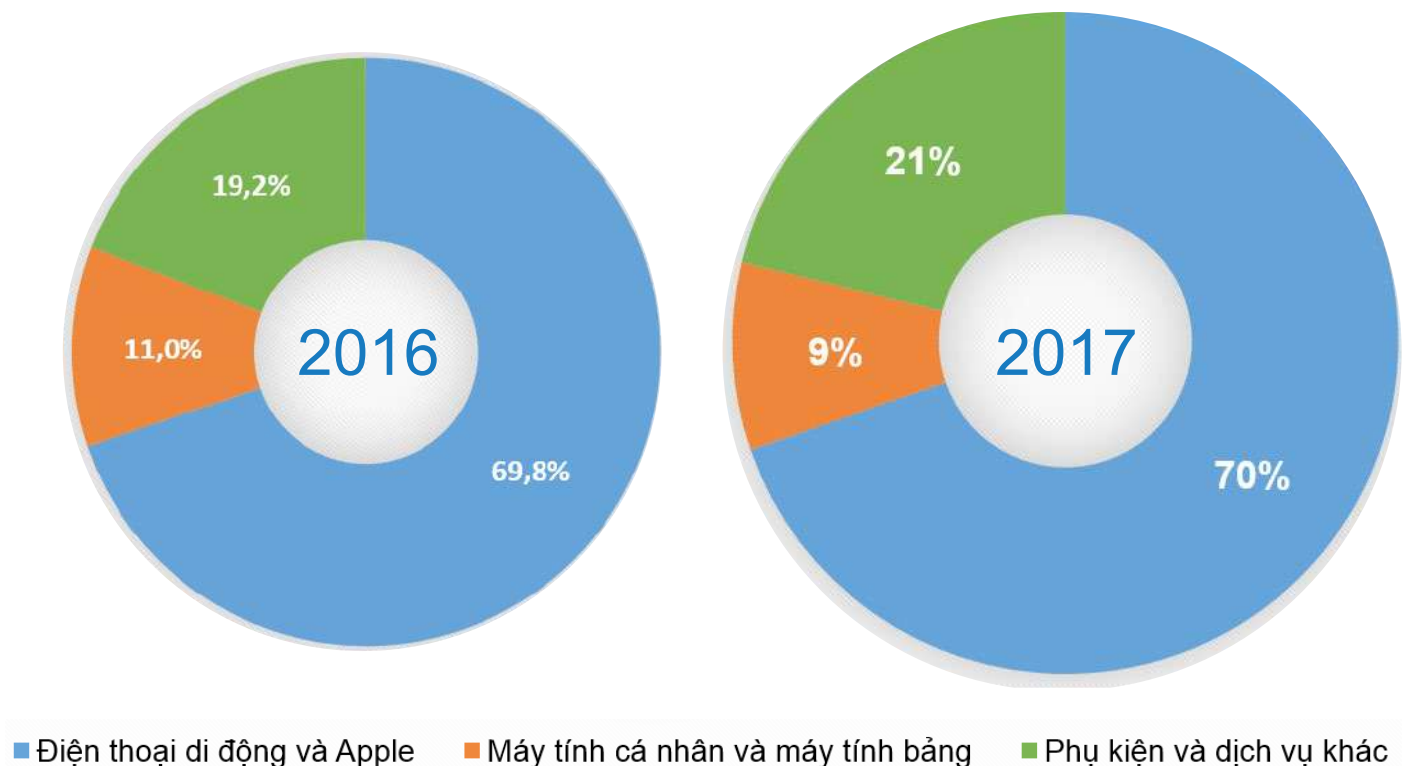
Năm 2017, tổng lợi nhuận gộp của FPT Retail đạt 1.816 tỷ đồng, tăng trưởng 28,8% so với năm 2016. Trong đó, mảng điện thoại di động và sản phẩm Apple luôn là lĩnh vực chủ đạo của Công ty, tăng 28,6 % so với năm 2016, nhờ vào việc mở rộng quy mô hoạt động và hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ lẫn chế độ hậu mãi cho người tiêu dùng.

Ngoài ra, Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của sản phẩm phụ kiện và dịch vụ tăng từ 27.1% lên 29.3% nhờ vào việc FPT Retail gia tăng nhập khẩu phụ kiện trực tiếp và làm việc trực tiếp với các Nhà cung cấp nên đàm phán được giá tốt nhất, giúp gia tăng tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần từ nhóm sản phẩm này.

Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của của mảng máy tính cá nhân tăng từ 9,5% lên 10,2% là do FPT Retail có thị phần bán lẻ máy tính cá nhân số 1 tại thị trường Việt Nam nên Công ty được hưởng ưu đãi tốt nhất từ các nhà cung cấp thông qua việc tăng tỷ lệ chiết khấu và thưởng hàng năm.



Hình 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

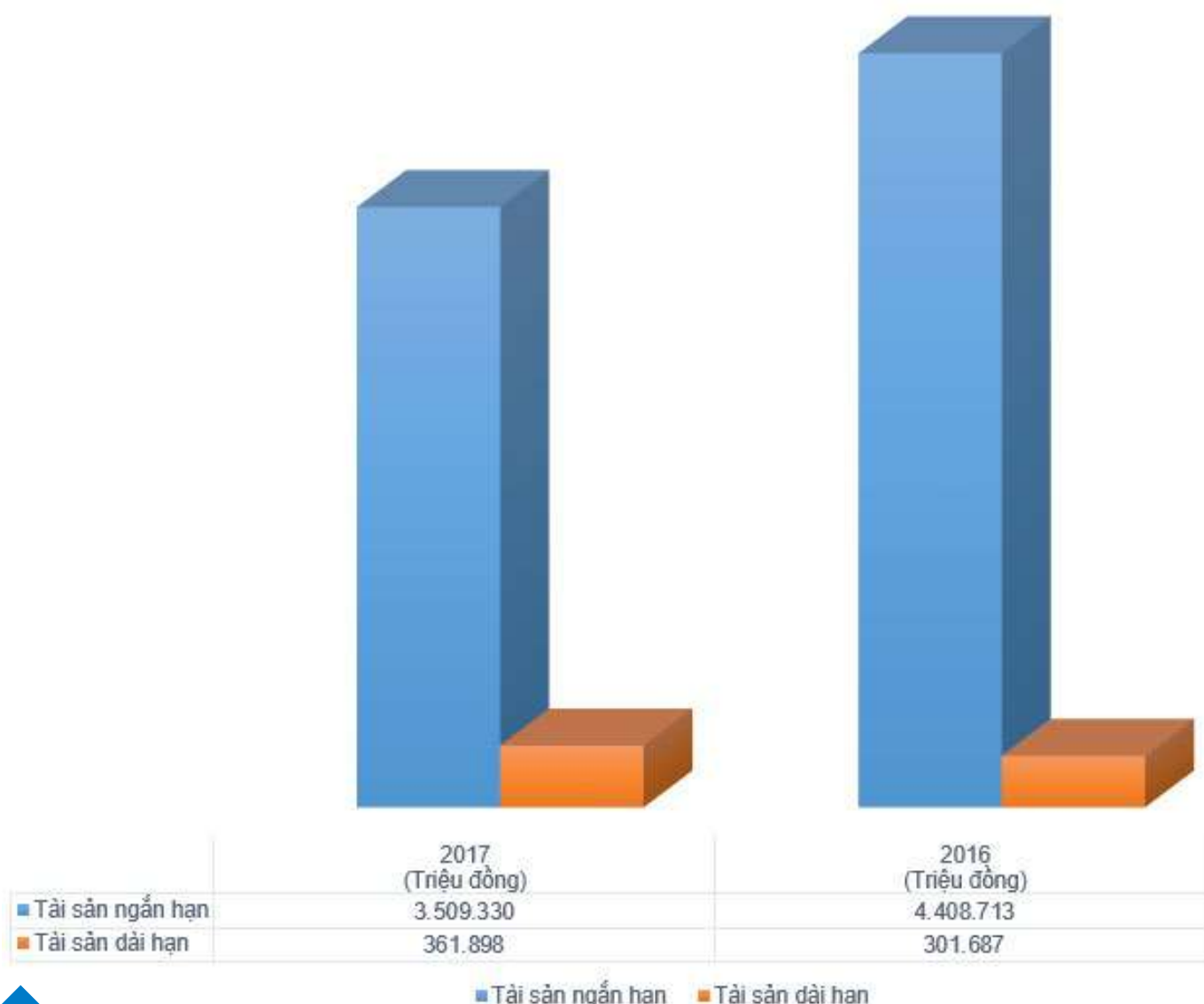
CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản trong năm 2017 giảm 18% so với năm 2016. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn giảm 20% do tiền và các khoản tương đương tiền giảm 56% và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 100%. Phần lớn trong khoản tương đương tiền là các khoản tiền tạm thời nhận rồi được điều chỉnh việc vay và gửi tiền ngắn hạn để tối ưu hóa dòng tiền. Năm 2017 có nghị định 20/2017/NĐ-CP của CP về quản lý thuế với các giao dịch liên kết, trong đó quy định về trần CP lãi vay không được vượt quá 20% Tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + CP lãi vay + CP khấu hao. Vậy nên FRT bắt buộc dừng việc cho FPT vay và gửi tiền có kỳ hạn vào ngân hàng để tuân thủ quy định của pháp luật.

Tài sản dài hạn tăng 20% do tài sản cố định tăng đột biến. Số lượng cửa hàng của FRT tăng gần 100 cửa hàng và tính đến hết 12/2017, FRT có tổng số 473 cửa hàng trên toàn quốc.

Hình 10: Cơ cấu tài sản



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2017 (Triệu đồng)	NĂM 2016 (Triệu đồng)	% TĂNG, GIẢM
A	Tài sản ngắn hạn	3.509.330	4.408.713	(20)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	638.076	1.457.507	(56)
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	300	(100)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.016.354	864.711	18
IV	Hàng tồn kho	1.723.477	1.948.264	(12)
V	Tài sản ngắn hạn khác	131.422	137.930	(5)
B	Tài sản dài hạn	361.898	301.687	20
I	Các khoản phải thu dài hạn	75.677	66.086	15
II	Tài sản cố định	46.331	1.696	2.632
III	Tài sản dài hạn khác	239.891	233.904	3
	Tổng cộng tài sản	3.871.228	4.710.400	(18)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2017 (Triệu đồng)	NĂM 2016 (Triệu đồng)	% TĂNG, GIẢM
I	Nợ ngắn hạn	3.074.774	4.195.169	(26,7)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.499.029	1.427.548	5,0
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.232	34.948	(62,1)
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.435	21.509	22,9
4	Phải trả người lao động	2.286	886	158,0
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	233.478	188.870	23,6
6	Phải trả ngắn hạn khác	115.767	77.745	48,9
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.173.003	2.434.624	(51,8)
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.544	9.040	27,7
II	II. Nợ dài hạn	0	0	0

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

Nợ ngắn hạn giảm 26,7% do các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 51,8%.

Ngoài ra, phải trả người lao động tăng 158% so với năm ngoái. Do quy mô công ty tăng, nhân viên ngày càng nhiều hơn. Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 62,1 %.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cùng với sự phát triển của xã hội và thị trường công nghệ, FPT Retail đã, đang và sẽ nỗ lực không ngừng để trở thành đối tác uy tín đối với các nhà sản xuất công nghệ hàng đầu thế giới, đồng thời là điểm đến tin cậy mua sắm của người tiêu dùng Việt Nam. Cùng với quy mô ngày càng mở rộng với trên 500 cửa hàng trong năm 2018, Công ty sẽ cung cấp tới mọi tầng lớp khách hàng những trải nghiệm mua sắm tích cực, thông qua các sản phẩm Kỹ thuật số chính hãng chất lượng cao, giá cả cạnh tranh đi kèm dịch vụ hậu mãi trọn gói trong suốt vòng đời của sản phẩm. Ban lãnh đạo của FPT Retail nhận định rằng mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty không chỉ phù hợp với chính sách và triển vọng phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung mà còn xu hướng của ngành bán lẻ công nghệ nói riêng.



CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2017 (Triệu đồng)	NĂM 2016 (Triệu đồng)	% TĂNG, GIẢM
1	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT	Toà nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	18.800.000	47,0%
2	VOF INVESTMENT LIMITED	Lầu 17, SunWah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	3.200.000	8,0%
3	HANOI INVESTMENTS HOLDINGS LIMITED	c/o 1501 Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2.000.000	5,0%

Nguồn: FPT Retail

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CÔNG TY

STT	Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
A	Cổ đông nội bộ	105	3.358.200	8,4
I	HĐQT, BKS, BTGD, GĐTC, KTT	4	837.000	2,1
II	CBCNV	101	2.521.200	6,3
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
B	Cổ đông bên ngoài	288	36.641.800	91,6
I	Cổ đông trong nước	276	24.293.800	60,7
	Cá nhân	267	3.407.760	8,5
	Tổ chức	9	20.886.040	52,2
II	Cổ đông nước ngoài	12	12.348.000	30,9
	Cá nhân	2	32.000	0,1
	Tổ chức	10	12.316.000	30,8
	TỔNG CỘNG	393	40.000.000	100

Nguồn: FPT Retail

Các cuộc họp của hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ
1	NGUYỄN BẠCH ĐIỆP	CHỦ TỊCH	4	100 %
2	TRỊNH HOA GIANG	THÀNH VIÊN	4	100 %
3	NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	THÀNH VIÊN	4	100 %

Nguồn: FPT Retail

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	0901/2017/NQGD/HĐQT/FRT.JSC	09/01/2017	Thông qua giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ
2	0202/2017-NQ/HĐQT.JSC	02/02/2017	Hình 4: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017
3	0108/NQHĐQT/FRT.JSC	01/08/2017	Thống nhất phương án đăng ký giao dịch cổ phiếu FRT trên HOSE
4	0711/2017/NQHĐQT/FRT.JSC	08/11/2017	Triển khai việc phát hành CP để tăng vốn từ nguồn VCSH và thông qua hồ sơ phát hành

Nguồn: FPT Retail

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

HĐQT đánh giá cao Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty. Các mục tiêu của chiến lược kinh doanh đều đạt kết quả khả quan và đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của Công ty. Doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng cao.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT và Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.



Đánh giá kết quả kinh doanh của công ty

HĐQT và Ban điều hành luôn nỗ lực cùng quyết tâm đổi mới liên tục các hướng kinh doanh mới trong đó nổi bật là:

F.Friends: Gói Dịch vụ Tài Chính Đặc biệt dành cho các Khách hàng cá nhân là nhân viên của các doanh nghiệp liên kết với FPT Retail.

F.Friend là chương trình tài trợ của FPT Retail để mua trả góp với đối tượng chủ yếu là nhân viên của các công ty. FPT Retail sẽ ký hợp đồng với các công ty để nhân viên của các công ty này có thể mua sản phẩm trực tiếp trả góp bằng lương hàng tháng, không cần trả trước, không lãi suất. Mục tiêu phát triển dịch vụ F.Friends được chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Đạt 2 triệu người dùng.
- Giai đoạn 2: Mở rộng sản phẩm cung cấp cho 2 triệu người dùng này.

- Giai đoạn 3: Thu hút các nhà cung cấp mới dựa trên nền tảng khách hàng đã xây dựng.

Điện Thoại Trợ giá: Đây là dịch vụ gói điện thoại bán kèm gói cước nhà mạng, nhằm đem lại hình thức mua máy mới cho thị trường Việt Nam.

Học hỏi các dịch vụ bán lẻ tiên tiến trên thế giới, FPT Retail kết hợp với các nhà mạng hàng đầu Việt Nam để trợ giá điện thoại từ 800 ngàn đồng đến 8 triệu đồng/sản phẩm, nhằm giúp khách hàng dễ dàng sở hữu điện thoại thông minh với mức giá hấp dẫn.

Ngoài ra, khách hàng còn được hưởng các ưu đãi đặc biệt về dịch vụ mạng như nghe, gọi, dung lượng data lớn nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu liên lạc của khách hàng.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BĐH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Công tác hoạch định chiến lược tiếp tục được kiện toàn.

Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng quản trị Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị: 0 đồng/năm.
Thành viên Hội đồng quản trị: 0 đồng/năm.
Thư ký Hội đồng quản trị: 0 đồng/năm.
Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 0 đồng

Phương hướng hoạt động của HĐQT

1. Tập trung đơn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Phối hợp với Ban Kiểm soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một

Công ty đại chúng.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tập trung phát triển công nghệ vào ứng dụng phục vụ khách hàng, cải tiến đổi mới quy trình bằng công nghệ mới nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả của mỗi nhân viên trong Công ty

QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Thành viên HĐQT



ÔNG HOÀNG TRUNG KIẾN

Thành viên HĐQT



ÔNG LÊ HỒNG VIỆT

Thành viên HĐQT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2004 - 2005 Trưởng phòng Phân tích và Kiểm soát tài chính, thuộc Ban Kế hoạch Tài chính Công ty Cổ phần FPT

2005 - 2006 Trưởng phòng Kế toán, thuộc Ban Kế hoạch Tài chính Công ty Cổ phần FPT

2006 - 2007 Phó Ban Kế hoạch Tài chính Công ty Cổ phần FPT

2007 - 2011 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT

2009 đến nay Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính Công ty Cổ phần FPT

2010 - 2018 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT

2017 - 2018 Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2000 - 2002 Nhân viên kinh doanh Công ty Giải pháp Phần mềm FPT

2003 - 2007 Trưởng phòng kinh doanh Công ty Giải pháp Phần mềm FPT

2007 - 2009 Phó giám đốc Trung tâm dữ liệu Trực tuyến, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

2009 - 2012 Giám đốc Vùng kinh doanh, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

2012 - 2016 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

2017 Phó Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT

2018 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

2018 Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và hệ thống thông tin

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2005 - 2007 Giữ các vị trí khác nhau tại Công ty Cổ phần FPT

2008 - 2009 Chuyên gia công nghệ ảo hoá Microsoft, Singapore

2008 - 2009 Giám đốc Công nghệ Công ty Cổ phần FPT tại Châu Á Thái Bình Dương - FAP

2010 - 2011 Giám đốc Công nghệ GNC (Global Notes Compete), thuộc Công ty Phần mềm FPT

2011 - 2012 Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Smart OSC và Công ty Cổ phần Obis

2012 - 2015 Giám đốc Công nghệ Công ty Phần mềm FPT (FPT Software)

2015 - 2018 Giám đốc Công nghệ Tập đoàn FPT

2018 Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư công nghệ phần mềm

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN TIẾN HÀO

Trưởng Ban kiểm soát



BÀ NGÔ THỊ MINH HUỆ

Thành viên Ban kiểm soát



ÔNG BUI HUY CƯỜNG

Thành viên Ban kiểm soát

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2002 - 2006** Kiểm toán viên tại Công ty Deloitte Việt Nam
- 2010 - 2012** Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Tư vấn DCPA
- 2006 - 2007;** ty TNHH Tư vấn DCPA
- 2009 - 2010** Phó phòng tài chính tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (công ty mẹ của Tập đoàn Geleximco)
- 2012 - 2018** Chuyên viên kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần FPT
- 2017- 2018** Phụ trách kế toán Quỹ Hy vọng
- 2018** Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sĩ Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1994 - 2003** Kế toán Công ty Cổ phần FPT
- 2003 - 2018** Kế toán trưởng Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT
- 3/2018** Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2005 - 2007** Trợ lý Kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Việt Nam
- 2007 - 2008** Kiểm soát viên nội bộ tại Công ty Chứng khoán EUROCAPITAL
- 2009 - 2010** Kiểm soát viên nội bộ tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- 2010 - 2018** Kiểm soát viên nội bộ tại Công ty Cổ phần FPT
- 2011 - 2018** Kiểm soát viên - Công ty TNHH Bất động sản FPT
- 2011 - 2018** Kiểm soát viên - Công ty TNHH Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT
- 3/2018** Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kế toán

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tham gia các hoạt động định kỳ như sau:

- Tham gia các buổi họp định kỳ của HĐQT hàng quý.
- Tham gia tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2017.

Ban Kiểm Soát cũng trực tiếp tham gia giám sát công tác quản lý hoạt động Công ty:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý.
- Tư vấn Chủ tịch HĐQT về Cơ cấu Tổ chức các Khối nhằm hoàn thiện hơn bộ máy hoạt động và phù hợp với yêu cầu, quy định của Cơ quan chức năng đối với loại hình Công ty Quản lý Quỹ.
- Thành viên BKS cũng thường xuyên trao đổi với BĐH về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo BKS cập nhật tình hình hoạt động và có hướng tư vấn kịp thời khi cần.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định của Công ty
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.

XÁC NHẬN CỦA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN BẠCH ĐIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8 - 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2017)
Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2017)
Bà Trịnh Hoa Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Hoa Giang	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc thứ hai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo quy định pháp luật, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 05 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán với Báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

3093

IG TY

PHÁT

Y THU

PT

P HỒ

12500

NG TY

HIỆM HỮU H

.OITTE

T NAM

A - TP. H

Số: 784 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 28 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính về việc báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh và tái phát hành. Báo cáo kiểm toán độc lập này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 521/VN1A-HN-BC đề ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán chỉ giới hạn cho các thông tin như được trình bày tại Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính lập ngày 26 tháng 3 năm 2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Hồng Dương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.509.329.898.101	4.408.712.734.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	638.076.095.694	1.457.507.013.399
1. Tiền	111		567.217.029.501	409.708.612.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.859.066.193	1.047.798.400.433
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.016.354.073.333	864.710.632.305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		305.662.334.557	119.329.927.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.311.236.709	99.212.370.629
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	280.150.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	660.180.920.381	370.209.363.418
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(10.800.418.314)	(4.191.029.259)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.723.477.573.603	1.948.264.850.751
1. Hàng tồn kho	141		1.729.349.373.226	1.985.546.949.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.871.799.623)	(37.282.099.074)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.422.155.471	137.930.238.053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	59.987.136.612	50.705.276.643
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		71.434.991.359	87.224.933.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	27.500	27.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361.898.379.423	301.686.857.662
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.676.953.433	66.086.138.161
1. Phải thu dài hạn khác	216	5	75.676.953.433	66.086.138.161
II. Tài sản cố định	220		46.330.843.275	1.696.563.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.487.896.114	561.277.661
- Nguyên giá	222		9.322.912.479	3.897.940.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.835.016.365)	(3.336.662.903)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	40.842.947.161	1.135.286.241
- Nguyên giá	228		44.481.737.990	4.187.737.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.638.790.829)	(3.052.451.749)
III. Tài sản dài hạn khác	260		239.890.582.715	233.904.155.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	239.890.582.715	233.904.155.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.871.228.277.524	4.710.399.592.170

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.074.773.904.828	4.195.169.488.141
I. Nợ ngắn hạn	310		3.074.773.904.828	4.195.169.488.141
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.499.029.173.276	1.427.548.170.775
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.232.192.403	34.947.547.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	26.435.295.259	21.508.667.172
4. Phải trả người lao động	314		2.286.258.369	886.036.376
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	233.477.641.989	188.870.378.330
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	115.767.230.511	77.744.815.543
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	1.173.002.592.760	2.434.623.855.550
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.543.520.261	9.040.016.872
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		796.454.372.696	515.230.104.029
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	796.454.372.696	515.230.104.029
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	200.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	(50.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		396.454.372.696	315.280.104.029
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		115.280.104.029	113.999.093.826
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		281.174.268.667	201.281.010.203
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.871.228.277.524	4.710.399.592.170

Trần Đức Quý
Người lập biểuVũ Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	13.795.035.596.010	11.722.217.741.296
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	648.520.639.787	869.062.414.805
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	13.146.514.956.223	10.853.155.326.491
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	11.330.254.658.862	9.442.775.919.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.816.260.297.361	1.410.379.406.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	54.297.245.398	74.622.426.318
7. Chi phí tài chính	22	21	82.022.739.110	75.068.031.570
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.950.962.895	73.839.012.809
8. Chi phí bán hàng	25	22	1.154.044.781.327	936.940.868.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	300.251.042.403	243.425.588.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		334.238.979.919	229.567.344.035
11. Thu nhập khác	31		29.487.559.595	30.314.376.257
12. Chi phí khác	32		652.624.928	498.975.185
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		28.834.934.667	29.815.401.072
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		363.073.914.586	259.382.745.107
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	73.196.142.530	51.876.549.021
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		289.877.772.056	207.506.196.086
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	7.030	5.054

Trần Đức Quý
Người lập biểuVũ Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

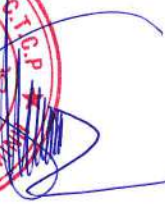
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	363.073.914.586	259.382.745.107
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.084.692.542	1.705.495.419
Các khoản dự phòng	03	(24.800.910.396)	16.470.007.420
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	374.181.070
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(34.483.129.285)	(54.495.411.428)
Chi phí lãi vay	06	78.950.962.895	73.839.012.809
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	383.825.530.342	297.276.030.397
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(432.257.071.842)	(289.037.047.894)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	256.197.576.599	(756.654.389.391)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	126.773.531.113	1.117.289.964.329
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.281.859.969)	(9.167.096.012)
Tiền lãi vay đã trả	14	(78.609.814.429)	(71.905.913.633)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.788.646.021)	(46.971.280.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.859.245.793	240.830.266.942
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(51.705.399.031)	(95.659.207.985)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(765.000.000.000)	(397.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.045.300.000.000	115.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.686.498.323	50.988.231.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	263.281.099.292	(327.170.976.045)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	180.000.000	2.030.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(130.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.598.115.709.109	7.159.275.935.885
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.859.736.971.899)	(6.406.149.646.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.261.571.262.790)	755.156.289.312
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(819.430.917.705)	668.815.580.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.457.507.013.399	788.691.433.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	638.076.095.694	1.457.507.013.399


Trần Đức Quý
Người lập biểu
Vũ Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.905 người (31 tháng 12 năm 2016 là 5.270 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Quảng cáo;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Dịch vụ thông tin khác: dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ đổi dữ liệu điện tử;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh tại 62 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản phải thu về cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí sửa chữa, cải tạo các cửa hàng kinh doanh với khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	137.119.421.842	87.223.835.299
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	430.097.607.659	322.484.777.667
Các khoản tương đương tiền (i)	70.859.066.193	1.047.798.400.433
	638.076.095.694	1.457.507.013.399

- (i) Số dư cuối năm các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản cho các nhân viên trong Công ty vay có thời hạn gốc không quá 3 tháng.

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	660.180.920.381	370.209.363.418
- Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp (i)	342.433.949.042	240.134.985.561
- Dự thu lãi tiền gửi	7.988.228.526	7.468.601.711
- Phải thu người lao động	3.539.578.801	1.857.342.817
- Ký cược, ký quỹ	212.050.000.000	117.056.650.000
- Phải thu theo chương trình bán hàng (ii)	73.302.704.626	-
- Phải thu ngắn hạn khác	20.866.459.386	3.691.783.329
b. Dài hạn	75.676.953.433	66.086.138.161
- Ký cược, ký quỹ	75.676.953.433	66.086.138.161
Cộng	735.857.873.814	436.295.501.579
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	16.513.848.461	7.386.798.606

- (i) Phản ánh khoản phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp để thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại cho các đại lý mà nhà cung cấp cam kết tài trợ.
- (ii) Phản ánh các khoản phải thu theo chương trình trợ giá điện thoại về gói cước áp dụng với các nhà mạng Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile và Công ty Cổ phần Viễn thông di động Mobifone.

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND		VND			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ
Digital Town City Center Co., Ltd.	4.191.029.259	-	Trên 3 năm	4.191.029.259	-	Trên 3 năm
Khác	21.259.627.078	14.650.238.023	Trên 6 tháng	-	-	-
	25.450.656.337	14.650.238.023		4.191.029.259	-	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	883.908.213	-	24.566.036.863	-
Công cụ, dụng cụ	48.683.806.050	-	51.153.369.552	-
Hàng hoá	1.679.781.658.963	(5.871.799.623)	1.909.827.543.410	(37.282.099.074)
Cộng	1.729.349.373.226	(5.871.799.623)	1.985.546.949.825	(37.282.099.074)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	59.987.136.612	50.705.276.643
Chi phí thuê nhà	56.349.359.879	40.032.426.107
Chi phí bảo lãnh thanh toán	506.666.667	555.799.850
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.131.110.066	10.117.050.686
b. Dài hạn	239.890.582.715	233.904.155.599
Chi phí thiết lập ban đầu các cửa hàng	237.156.691.478	230.768.170.923
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.733.891.237	3.135.984.676
Cộng	299.877.719.327	284.609.432.242

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	3.617.505.545	280.435.019	3.897.940.564
Tăng trong năm	4.619.723.333	722.510.400	82.738.182	5.424.971.915
Số dư cuối năm	4.619.723.333	4.340.015.945	363.173.201	9.322.912.479
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	3.070.466.420	266.196.483	3.336.662.903
Khấu hao trong năm	7.843.333	456.745.835	33.764.294	498.353.462
Số dư cuối năm	7.843.333	3.527.212.255	299.960.777	3.835.016.365
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	547.039.125	14.238.536	561.277.661
Tại ngày cuối năm	4.611.880.000	812.803.690	63.212.424	5.487.896.114

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.178.202.028 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.928.091.661 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	4.187.737.990	4.187.737.990
Tăng trong năm	40.294.000.000	-	40.294.000.000
Số dư cuối năm	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	3.052.451.749	3.052.451.749
Khấu hao trong năm	-	586.339.080	586.339.080
Số dư cuối năm	-	3.638.790.829	3.638.790.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.135.286.241	1.135.286.241
Tại ngày cuối năm	40.294.000.000	548.947.161	40.842.947.161

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	27.500	11.013.477	11.013.477	27.500
	27.500	11.013.477	11.013.477	27.500
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.351.615.393.786	1.351.615.393.786	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.472.632.015	73.196.142.530	67.788.646.021	25.880.128.524
Thuế thu nhập cá nhân	1.036.035.157	11.054.067.937	11.534.936.359	555.166.735
Thuế nhà thầu	-	20.393.140	20.393.140	-
Thuế môn bài và thuế khác	-	404.750.000	404.750.000	-
	21.508.667.172	1.436.290.747.393	1.431.364.119.306	26.435.295.259

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		Số cuối năm VND		Số đầu năm VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Apple Việt Nam	1.037.413.415.500	1.037.413.415.500	865.978.638.360	865.978.638.360
Công ty Cổ phần Synnex FPT	97.529.836.354	97.529.836.354	67.077.026.322	67.077.026.322
Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	1.725.574.880	1.725.574.880	24.969.336.494	24.969.336.494
Các đối tượng khác	362.360.346.542	362.360.346.542	469.523.169.599	469.523.169.599
Cộng	1.499.029.173.276	1.499.029.173.276	1.427.548.170.775	1.427.548.170.775
Phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	99.186.445.274		67.077.026.322	

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lương kinh doanh	141.558.750.435	124.662.580.720
Trích trước giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	42.535.528.190	28.836.373.666
Trích trước chi phí hỗ trợ trả góp	29.967.588.646	22.134.713.777
Chi phí lãi vay phải trả	3.894.441.877	3.553.293.411
Chi phí phải trả khác	15.521.332.841	9.683.416.756
Cộng	233.477.641.989	188.870.378.330

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	1.596.597.401	1.705.947.106
Kinh phí công đoàn	5.958.731.191	6.799.988.648
Phải trả tiền thu hộ đối tác	100.344.955.776	64.346.659.133
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	548.597.608	248.547.276
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng đồng Việt	66.352.857.350	64.098.111.857
- Phải trả tiền thu hộ đối tác khác	33.443.500.818	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.866.946.143	4.892.220.656
	115.767.230.511	77.744.815.543
Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	548.597.608	248.547.276

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	475.533.663,022	475.533.663,022	101.873.255,000	577.406.918,022	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	398.082.895,821	398.082.895,821	312.788.625,507	710.871.521,328	-	-
Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam	406.477.738,685	406.477.738,685	1.704.965.048,809	1.723.369.487,494	388.073.300,000	388.073.300,000
Ngân hàng Citibank Việt Nam	327.791.931,211	327.791.931,211	1.052.221.286,217	1.121.283.924,668	258.729.292,760	258.729.292,760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	399.866.993,441	399.866.993,441	728.250.926,941	1.128.117.920,382	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	73.997.957,158	73.997.957,158	99.921.459,000	173.919.416,158	-	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	70.726.396,300	70.726.396,300	-	70.726.396,300	-	-
Ngân hàng ANZ Việt Nam	181.996.517,412	181.996.517,412	1.326.962.536,366	1.438.459.053,778	70.500.000,000	70.500.000,000
Ngân hàng HSBC Việt Nam	100.149.762,500	100.149.762,500	1.206.132.571,269	850.582.333,769	455.700.000,000	455.700.000,000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	65.000.000,000	65.000.000,000	-	-
Tổng	2.434.623.855,550	2.434.623.855,550	6.598.115.709,109	7.859.736.971,899	1.173.002.592,760	1.173.002.592,760

Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp trong thời hạn nhỏ hơn 01 năm và lãi suất được xác định theo từng khế ước nhận nợ.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	(2.080.000.000)	113.999.093.825	311.919.093.825
Lợi nhuận trong năm	-	-	207.506.196.086	207.506.196.086
Trích lập các quỹ	-	-	(6.225.185.882)	(6.225.185.882)
Bán cổ phiếu quỹ	-	2.030.000.000	-	2.030.000.000
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	(50.000.000)	315.280.104.029	515.230.104.029
Lợi nhuận trong năm	-	-	289.877.772.056	289.877.772.056
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(8.703.503.389)	(8.703.503.389)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(130.000.000)	-	(130.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	180.000.000	-	180.000.000
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	-	396.454.372.696	796.454.372.696

(i) Nghị quyết số 0811/2017/NQĐHCD/FRT.JSC ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối năm trước với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

(ii) Theo Quyết định số 52/2017/FRT/QĐ-HDTV của Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với tỷ lệ là 3%, tương đương với số tiền 8.703.503.389 VND. Mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 25 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần FPT	188.000.000.000	47%	188.000.000.000	170.000.000.000
Quỹ VinaCap	60.000.000.000	15%	60.000.000.000	-
Quỹ DragonCap	80.000.000.000	20%	80.000.000.000	-
Các cổ đông khác	72.000.000.000	18%	72.000.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	400.000.000.000	100%	400.000.000.000	200.000.000.000

17. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	13.528.714.302.871	11.524.645.107.029
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	266.321.293.139	197.572.634.267
	13.795.035.596.010	11.722.217.741.296
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	24.455.716.491	26.528.548.086
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	648.520.639.787	869.062.414.805
	648.520.639.787	869.062.414.805
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.146.514.956.223	10.853.155.326.491

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa	11.195.010.924.240	9.305.806.945.419
Giá vốn của dịch vụ	166.654.034.073	122.477.381.664
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.410.299.451)	14.491.592.896
	11.330.254.658.862	9.442.775.919.979

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua hàng	11.195.010.924.240	9.305.806.945.419
Chi phí nhân công	646.073.400.856	530.378.508.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.084.692.542	1.705.495.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	967.182.375.350	768.781.420.654
Chi phí trích lập dự phòng	(24.800.910.396)	16.470.007.420
	12.784.550.482.592	10.623.142.377.204

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.206.125.138	54.495.411.428
Lãi chênh lệch tỷ giá	723.856.810	3.070.773.582
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.367.263.450	17.056.241.308
	54.297.245.398	74.622.426.318

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	78.950.962.895	73.839.012.809
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.071.776.215	1.228.581.035
Chi phí tài chính khác	-	437.726
	82.022.739.110	75.068.031.570

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	300.251.042.403	243.425.588.279
- Chi phí nhân công	179.470.101.950	135.331.715.987
- Chi phí khác	120.780.940.453	108.093.872.292
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.154.044.781.327	936.940.868.946
- Chi phí nhân công	466.603.298.906	391.493.938.211
- Chi phí thuê nhà	269.955.243.113	207.599.713.291
- Chi phí bán hàng khác	417.486.239.308	337.847.217.444

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	69.688.805.177	51.876.549.021
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	3.507.337.353	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	73.196.142.530	51.876.549.021

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	363.073.914.586	259.382.745.107
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(14.629.888.699)	-
<i>Trừ: Các khoản giảm chi phí không chịu thuế</i>	<i>(14.629.888.699)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	348.444.025.887	259.382.745.107
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>348.444.025.887</i>	<i>259.382.745.107</i>
<i>Thuế suất thông thường</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	69.688.805.177	51.876.549.021

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm	VND	289.877.772.056	207.506.196.086
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	(8.703.503.389)	(6.225.185.882)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	281.174.268.667	201.281.010.204
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	39.996.055	39.828.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	7.030	5.054

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối năm trước dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	19.995.000	10.067
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế	19.833.851	(5.013)
Số đã điều chỉnh lại	39.828.851	5.054

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	284.610.478.319	218.537.886.333
	284.610.478.319	218.537.886.333

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc và các cửa hàng kinh doanh của Công ty.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần FPT	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	24.455.716.491	26.528.548.086
Công ty Cổ phần Synnex FPT	6.548.320.510	16.678.221.465
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	9.972.387.002	6.921.360.166
Công ty TNHH Phần mềm FPT	3.100.392.233	985.408.636
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.690.569.471	1.741.344.453
Công ty Cổ phần FPT	1.144.047.275	202.213.366
Mua hàng	760.045.998.283	640.768.859.649
Công ty Cổ phần Synnex FPT	728.215.469.255	624.228.903.480
Công ty Cổ phần FPT	6.313.257.340	369.449.857
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	24.954.771.688	16.170.506.312
Công ty TNHH Phần mềm FPT	562.500.000	-
Doanh thu lãi đầu tư	23.886.490.606	51.466.529.518
Công ty Cổ phần FPT	23.886.490.606	51.466.529.518
Cho vay		
Công ty Cổ phần FPT	765.000.000.000	3.504.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay		
Công ty Cổ phần FPT	2.060.000.000.000	2.912.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.175.267.948	9.699.764.990
Công ty Cổ phần Synnex FPT	-	6.241.218.999
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	584.005.977	3.458.545.991
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	360.111.972	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	231.149.999	-
Phải thu khác	16.513.848.461	7.386.798.606
Công ty Cổ phần FPT	16.513.848.461	7.386.798.606
Phải trả người bán	99.186.445.274	67.077.026.322
Công ty TNHH Phần mềm FPT	421.875.000	-
Công ty Cổ phần Synnex FPT	97.529.836.354	67.077.026.322
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	1.234.733.920	-
Phải trả khác	548.597.608	248.547.276
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	548.597.608	248.547.276
Các khoản cho vay nội bộ	-	1.295.000.000.000
Công ty Cổ phần FPT (không quá 3 tháng)	-	1.015.000.000.000
Công ty Cổ phần FPT (trên 3 tháng đến dưới 01 năm)	-	280.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	10.599.933.333	5.552.843.333

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một số số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	117.350.000.000	(117.050.000.000)	300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	253.159.363.418	117.050.000.000	370.209.363.418

28. TRÌNH BÀY BỔ SUNG THÔNG TIN

Công ty đã lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 05 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán với Báo cáo kiểm toán độc được lập đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, để bổ sung thêm thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã lập lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các thông tin này chỉ nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính và không làm thay đổi các thông tin tài chính khác đã được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Các thông tin được trình bày bổ sung thêm so với Báo cáo tài chính lập ngày 05 tháng 3 năm 2018 bao gồm:

28.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên

Một số giao dịch với Công ty Cổ phần FPT và thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm được trình bày thêm tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

28.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Xét theo khía cạnh rủi ro và lợi ích kinh tế thu được, Ban Giám đốc đã đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện có liên quan và một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

Trần Đức Quý
Người lập biểu

Vũ Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

